

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2017

THÔNG BÁO

Kết quả xét lên lớp, ngừng học, thôi học, vào học tiếp năm học 2017 - 2018

Căn cứ “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” được ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ “Quy định chuyển kết quả học tập cho sinh viên học theo hệ thống niên chế sang học theo hệ thống tín chỉ” được ban hành kèm theo quyết định số 537/QĐ-DHN ngày 22/8/2013; “Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ” được ban hành kèm theo quyết định số 538/QĐ-DHN ngày 22/8/2013 của Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng xét lên lớp, ngừng học, thôi học, vào học tiếp cho sinh viên ngày 21/08/2017,

Nhà trường tiến hành xét lên lớp, ngừng học, thôi học các sinh viên đào tạo theo tín chỉ theo các tiêu chí sau:

1. Nhắc nhở cải thiện kết quả học tập

Nhắc nhở cải thiện kết quả học tập đối với các sinh viên thuộc 1 trong các đối tượng sau:

- Sinh viên có kết quả học tập tính từ đầu khóa học dưới 2.00.
- Sinh viên có kết quả học tập từng học kỳ dưới 1.00.

Các sinh viên thuộc đối tượng bị nhắc nhở cải thiện kết quả học tập phải chủ động tự thu xếp thi trả nợ hoặc cải thiện kết quả học tập.

2. Xét ngừng học cho các sinh viên các khóa:

Theo quy định, sinh viên bị cảnh báo học tập bằng hình thức tạm ngừng tiến độ để có điều kiện cải thiện kết quả học tập bằng học lại, thi lại, thi cải thiện, sau đây gọi là “ngừng học”. Sinh viên phải ngừng học nếu kết quả học tập thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- Điểm trung bình chung học tập (TBCHT) < 1.20 (đối với năm 1); TBCHT < 1.40 (đối với năm 2); TBCHT < 1.60 (đối với năm 3); TBCHT < 1.80 (đối với năm 4).

- Hoặc có tổng tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Nhà trường sẽ xét vớt cho tiếp tục học (*nếu có đơn*) đối với các sinh viên thỏa mãn các tiêu chí xét vớt (*mục 3*).

3. Xét vớt:

Sinh viên thuộc đối tượng ngừng học được vớt cần có đơn đề nghị được tiếp tục học nếu thuộc một trong số những đối tượng sau:

- Là sinh viên cao đẳng chính quy, đại học liên thông từ cao đẳng, đại học liên thông từ trung cấp, đại học văn bằng hai các khóa.
- Là sinh viên đại học chính quy năm cuối (K68).
- Là sinh viên đại học chính quy có tổng số tín chỉ còn nợ không quá 28 tín chỉ và đáp ứng tiêu chí sau:
 - Có TBCHT ≥ 1.10 (đối với năm 1: K71)
 - Có TBCHT ≥ 1.25 (đối với năm 2: K70)
 - Có TBCHT ≥ 1.45 (đối với năm 3: K69)

Các sinh viên diện cử tuyển, nước ngoài và các sinh viên đang ngừng học được hạ tiêu chí thêm 0.1 điểm.

4. Các trường hợp đặc biệt khác

- 13 sinh viên nước ngoài thuộc diện ngừng học sẽ được xét vớt cho tiếp tục học năm học 2017 - 2018 phải có đề nghị của Đại sứ quán.

- Các trường hợp đặc biệt khác sẽ được Nhà trường xem xét và quyết định riêng cho từng trường hợp cụ thể.

Các sinh viên được xét vớt nhưng chưa có đơn, làm đơn gửi Phòng Quản lý sinh viên Trường Đại học Dược Hà Nội vào ngày **08-11/9/2017**.

PHÒNG QUẢN LÝ SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐANG NGỪNG HỌC, TIẾP TỤC NGỪNG HỌC NĂM 2017-2018

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điện	TBC HT	Số TC nợ	Năm thứ	Số hk NH	ĐTUT	Ghi chú
1	1201171	Lê Thị Hằng	NH		1.78	12	3	4	-	NH vì lý do cá nhân chưa có đơn xin VHT
2	1301413	Mai Xuân Tiến	NH		1.29	33	3	2	-	NH vì lý do cá nhân chưa có đơn xin VHT
3	1501138	Hoàng Minh Hải	NH	VT	2.71	5	1	2	-	NH vì lý do cá nhân chưa có đơn xin VHT
4	1501436	Vũ Hoàng Sơn	NH		1.82	5	1	2	-	NH vì lý do cá nhân chưa có đơn xin VHT
5	1406012	Đới Thị Hồng	NH		1.98	0	1	4	-	NH vì lý do cá nhân chưa có đơn xin VHT
6	1506010	Nguyễn Văn Linh	NH		1.04	22	2	2	-	NH vì lý do cá nhân chưa có đơn xin VHT
7	1601560	Nguyễn Bích Ngọc	NH	VT	0.00	11	0	2	-	NH vì lý do sức khỏe chưa có đơn xin VHT
8	1503008	Trần Ngọc Anh	NH		0.73	24	1	2	-	Vớt: Cao đẳng
9	1503030	Ngô Thị Hồng Gấm	NH		0.60	28	1	2	-	Vớt: Cao đẳng
10	1201312	Lương Tiểu Lệ	NH	DB	0.91	14	1	8	DTTS: Nùng	TBCHT <1.10,
11	1101344	Tông Thị Nhung	NH	CT	1.03	23	2	8	DTTS: Thái	TBCHT <1.15 CT,
12	1301133	Quách Thanh Hằng	NH	DB	1.07	6	1	6	DTTS: Mường	TBCHT <1.10,
13	1301273	Bùi Ngọc Minh	NH	DB	0.88	12	1	6	DTTS: Mường	TBCHT <1.10,
14	1301401	Quách Văn Thùy	NH	DB	0.90	11	1	6	DTTS: Mường	TBCHT <1.10,
15	1201287	Phan Thị Hường	NH		1.17	36	3	4	Con BB 69%	TBCHT <1.45, STC nợ >28
16	1401662	Quách Anh Tuấn	NH	DB	0.67	19	1	4	DTTS: Mường	TBCHT <1.10,
17	1401028	Nguyễn Minh Anh	NH	DB	0.46	22	1	4	DTTS: Tày	TBCHT <1.10,
18	1201025	Nguyễn Thị Lan Anh	NH		1.29	25	3	4	-	TBCHT <1.45, 28> STC nợ >24
19	1201207	Nguyễn Văn Hiếu	NH		1.13	36	3	4	-	TBCHT <1.45, STC nợ >28
20	1201455	Nguyễn Hồng Phong	NH		0.99	49	3	4	-	TBCHT <1.45, STC nợ >28
21	1201672	Trần Anh Tuấn	NH		1.29	30	3	4	-	TBCHT <1.45, STC nợ >28
22	1301062	Vương Văn Duy	NH		0.92	31	2	4	-	TBCHT <1.25, STC nợ >28
23	1301475	Hồ Sỹ Việt	NH		1.21	17	2	4	-	TBCHT <1.25,
24	1401489	Nguyễn Văn Phương	NH		0.74	18	1	4	-	TBCHT <1.10,
25	1401591	Đinh Đức Thọ	NH		0.21	26	1	4	-	TBCHT <1.10, 28> STC nợ >24
26	1301342	Nguyễn Trọng Phúc	NH		1.26	19	3	2	-	TBCHT <1.45,
27	1401480	Nguyễn Phùng Mai Phương	NH		1.17	33	2	2	Con TB 25%	TBCHT <1.25, STC nợ >28
28	1401160	Vũ Thu Giang	NH		1.13	32	2	2	Con TB 51%	TBCHT <1.25, STC nợ >28
29	1401213	Bùi Trung Hiếu	NH	DB	0.81	40	2	2	DTTS: Mường	TBCHT <1.25, STC nợ >28
30	1401008	Bùi Thị Quỳnh Anh	NH		1.07	35	2	2	-	TBCHT <1.25, STC nợ >28
31	1401167	Nguyễn Thị Hà	NH		0.62	46	2	2	-	TBCHT <1.25, STC nợ >28
32	1401324	Vũ Văn Hữu	NH		1.14	26	2	2	-	TBCHT <1.25, 28> STC nợ >24
33	1401331	Trần Ngọc Khanh	NH		0.97	37	2	2	-	TBCHT <1.25, STC nợ >28
34	1401337	Bùi Thế Kiên	NH		1.16	20	2	2	-	TBCHT <1.25,
35	1401684	Hoàng Bá Vinh	NH		1.06	33	2	2	-	TBCHT <1.25, STC nợ >28
36	1501168	Ngô Văn Hiệp	NH		1.02	9	1	2	-	TBCHT <1.10,
37	1501217	Nguyễn Quang Huy	NH		1.00	9	1	2	-	TBCHT <1.10,
38	1501241	Nguyễn Khắc Khang	NH		0.92	12	1	2	-	TBCHT <1.10,
39	1501305	Trần Thị Luyến	NH		0.99	17	1	2	-	TBCHT <1.10,
40	1501086	Lò Văn Điển	NH	CT	0.49	25	1	2	DTTS: Kháng	TBCHT <1.00 CT, 28> STC nợ >24
41	1501177	Giàng A Hoa	NH	CT	0.06	26	1	2	DTTS: Mông	TBCHT <1.00 CT, 28> STC nợ >24
42	1501368	Giàng A Nhin	NH	CT	0.57	23	1	2	DTTS: Mông	TBCHT <1.00 CT,
43	1501124	Nguyễn Hoàng Giang	NH	DB	0.74	18	1	2	DTTS: Mường	TBCHT <1.10,
44	1501493	Lò Thị Tọn	NH	CT	0.82	19	1	2	DTTS: Mường	TBCHT <1.00 CT,
45	1501128	Nguyễn Văn Giang	NH		1.05	9	1	2	DTTS: Sán Diu	TBCHT <1.10,

Danh sách gồm 45 sinh viên.

PHÒNG QUẢN LÝ SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN NGỪNG HỌC DO KQHT KÉM TỪ HỌC KỲ I, 2017 - 2018

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điện	TBC HT	Số TC nợ	Năm thứ	Số hk NH	ĐTUT	Ghi chú
1	1201304	Vàng Thị La	P1K69	CT	1.30	15	3	4	DTTS: H'Mông	TBCHT <1.35 CT,
2	1401019	Hoàng Kiều Anh	O1K69		1.28	27	3	0	-	TBCHT <1.45, 28> STC nợ >24
3	1401072	Lê Văn Chung	P1K69		1.25	23	3	0	-	TBCHT <1.45,
4	1401075	Lý Văn Công	O1K69	DB	1.30	30	3	0	DTTS: Tày	TBCHT <1.45, STC nợ >28
5	1401151	Phạm Minh Đức	Q1K69	VT	1.28	36	3	0	-	TBCHT <1.45, STC nợ >28
6	1401336	Phạm Hồng Khoái	A6K70		0.71	42	2	2	-	TBCHT <1.25, STC nợ >28
7	1401427	Quảng Thị Nghĩa	A6K70	CT	0.74	38	2	2	DTTS: Khơ Mú	TBCHT <1.15 CT, STC nợ >28
8	1401594	Hoàng Việt Thuận	O1K69		0.96	60	3	0	-	TBCHT <1.45, STC nợ >28
9	1501016	Nguyễn Phương Anh	A1K70		1.22	21	2	0	-	TBCHT <1.25,
10	1501203	Nông Văn Hưng	A1K70		0.87	36	2	0	DTTS: Nùng	TBCHT <1.25, STC nợ >28
11	1501254	Lê Thị Lan	A2K70		0.94	36	2	0	DTTS: Mường	TBCHT <1.25, STC nợ >28
12	1501410	Sùng Nhật Quân	A3K70	CT	1.09	27	2	0	DTTS: Mông	TBCHT <1.15 CT, 28> STC nợ >24
13	1501544	Phạm Thị Thảo Vân	A2K71	DB	0.94	14	2	2	DTTS: Tày	TBCHT <1.25,
14	1601326	Hoàng Ngọc Hưng	A3K71	DB	0.99	12	1	0	-	TBCHT <1.10,
15	1601530	Nguyễn Văn Nam	A5K71		1.09	13	1	0	-	TBCHT <1.10,

Danh sách gồm 15 sinh viên.

PHÒNG QUẢN LÝ SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI THUỘC DIỆN NGỪNG HỌC

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điện	TBC HT	Số TC nợ	Năm thứ	Số hk NH	Quốc tịch	Ghi chú
1	1401325	Khamloy KEOMONGSA	O1K69	NN	1.41	21	3	0	Lào	TBCHT <1.45,
2	1401326	Toone KHONGKHA	O1K69	NN	1.39	29	3	0	Lào	TBCHT <1.45, STC nợ >28
3	1401327	Malita KHOUNTHAVONG	O1K69	NN	1.20	33	3	0	Lào	TBCHT <1.35 NN, STC nợ >28
4	1401523	Khammay SENTHAVISOUK	O1K69	NN	1.18	36	3	0	Lào	TBCHT <1.35 NN, STC nợ >28
5	1401695	Sivilay YANG	O1K69	NN	0.16	80	3	0	Lào	TBCHT <1.35 NN, STC nợ >28
6	1501054	DAING CHAKRYYA	A1K70	NN	0.35	47	2	0	Campuchia	TBCHT <1.15 NN, STC nợ >28
7	1501071	Dalunee LATTANAVONG	A1K70	NN	0.85	32	2	0	Lào	TBCHT <1.15 NN, STC nợ >28
8	1501384	Chanthida PHANTHAVONG	A1K70	NN	0.30	44	2	0	Lào	TBCHT <1.15 NN, STC nợ >28
9	1501470	SROEURN THEARA	A1K70	NN	0.90	30	2	0	Campuchia	TBCHT <1.15 NN, STC nợ >28
10	1601379	Soysunee INTHANOME	A1K71	NN	0.41	20	1	0	Lào	TBCHT <1.00 NN,
11	1601403	Khamsing LADTHAVYSUP	A1K71	NN	0.25	24	1	0	Lào	TBCHT <1.00 NN,
12	1601519	TEN MY	A1K71	NN	0.83	14	1	0	Campuchia	TBCHT <1.00 NN,
13	1601603	Phonevilay PHOTHISAN	A1K71	NN	0.85	15	1	0	Lào	TBCHT <1.00 NN,

Danh sách gồm 13 sinh viên.

PHÒNG QUẢN LÝ SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN THỎA MÃN TIÊU CHÍ VỚT

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điện	TBC HT	Số TC nợ	Năm thứ	Số hk NH	ĐTƯT	Ghi chú
1	1001085	Hà Thị Thu Dương	P1K68	CT	1.65	9	4	6	DTTS: Thái	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
2	1001573	Phạm Đức Vượng	M2K68		1.56	16	4	6	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
3	1101411	Ngô Quang Phú	M2K68		1.77	21	4	4	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
4	1101463	Trần Thế Thăng	O1K68		1.22	53	4	4	-	Vớt: năm cuối
5	1101477	Nguyễn Thái	O1K68		1.15	62	4	4	-	Vớt: năm cuối
6	1101564	Lê Mạnh Tuấn	N1K68		1.79	5	4	4	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
7	1201002	Cao Văn An	M1K68		1.65	26	4	2	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối, 28> STC nợ >24
8	1201016	Lê Hải Anh	O1K68		1.30	34	4	2	-	Vớt: năm cuối
9	1201225	Đào Tiên Hoàng	P1K68		1.67	20	4	2	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
10	1201229	Nguyễn Huy Hoàng	O1K68		1.75	14	4	2	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
11	1201314	Mai Thị Bích Liên	O1K68		1.30	52	4	2	-	Vớt: năm cuối
12	1201602	Bùi Thị Phương Thủy	P1K69	CT	1.59	11	3	4	DTTS: Mừng	Vớt: TBCHT ≥1.45,
13	1301048	Kim Dara	O1K68	NN	0.41	96	4	0	-	Vớt: năm cuối
14	1301081	Trần Quốc Đạt	O1K68	VT	1.67	23	4	0	Giải Ba - Hóa Học	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
15	1301082	Đỗ Tiến Đạt	O1K68	VT	1.90	27	4	0	Giải Nhì - Hóa Học	Vớt: 28> STC nợ >24
16	1301166	Nguyễn Minh Hoàng	M2K68		1.76	26	4	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối, 28> STC nợ >24
17	1301179	Vũ Kim Huế	O1K68	DB	1.79	5	4	0	DTTS: Tày	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
18	1301260	Nguyễn Hữu Luân	M2K68		1.51	42	4	0	-	Vớt: năm cuối
19	1301334	Lùng Thị Bích Phượng	P1K68	CT	1.60	16	4	0	DTTS: Thái	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
20	1301343	Trịnh Quang Phúc	O1K68		1.70	16	4	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
21	1301449	Nguyễn Mạnh Tuấn	N1K68		1.65	9	4	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
22	1302008	Vũ Quốc Đạt	M4K49		1.12	40	3	2	-	Vớt: năm cuối
23	1303212	Nguyễn Thị Hoa Mai	D1K6		1.56	1	2	4	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
24	1401003	Nguyễn Duy An	O1K69		1.52	24	3	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.45,
25	1401134	Nguyễn Xuân Đại	Q1K69		1.58	27	3	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.45, 28> STC nợ >24
26	1401161	Đào Thị Ngân Hà	O1K69	DB	1.58	12	3	0	DTTS: Nùng	Vớt: TBCHT ≥1.45,
27	1401469	Nim PHANAKHONE	O1K69	NN	1.53	19	3	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.45,
28	1401521	YEN RATANAK	O1K69	NN	1.58	7	3	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.45,
29	1401537	Thào A Sử	P1K69	CT	1.46	16	3	0	DTTS: Mông	Vớt: TBCHT ≥1.45,
30	1401551	Bé Ngọc Thành	Q1K69		1.51	9	3	0	DTTS: Tày	Vớt: TBCHT ≥1.45,
31	1401632	Nguyễn Thị Huyền Trang	P1K69		1.55	14	3	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.45,
32	1401673	Nguyễn Thanh Tùng	Q1K69		1.68	27	3	0	DTTS: Mừng	Vớt: 28> STC nợ >24
33	1401702	Nguyễn Thị Yến	Q1K69		1.59	16	3	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.45,
34	1401707	Tạ Hải Yến	P1K69	DB	1.54	22	3	0	DTTS: Cao Lan	Vớt: TBCHT ≥1.45,
35	1402007	Phạm Mai Diệp	N4K49		1.76	8	3	0	DTTS: Nùng	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
36	1402009	Phạm Hồng Dương	N4K49		1.42	20	3	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
37	1402015	Danh Thị Hải	M4K49		1.71	14	3	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	TBC HT	Số TC nợ	Năm thứ	Số hk NH	ĐTƯT	Ghi chú
38	1402044	Hoàng Thanh Nga	N4K49		1.70	20	3	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
39	1402048	Chu Bảo Oanh	M4K49		1.77	3	3	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
40	1402050	Nguyễn Thị Minh Phượng	M4K49		1.71	15	3	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
41	1402052	Lê Hồng Quân	N4K49		1.75	8	3	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
42	1402057	Nguyễn Thị Thanh Tâm	M4K49		1.61	13	3	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
43	1402075	Nguyễn Thị Tuyết	M4K49		1.63	15	3	0	Con TB 34%	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
44	1403162	Nguyễn Thị Phương	D1K6		1.29	15	2	2	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
45	1501013	Ngô Tuấn Anh	A6K70		1.39	12	2	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.25,
46	1501059	Phạm Thị Hòa Chi	A4K70		1.30	21	2	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.25,
47	1501065	Kim Văn Chức	A7K70		1.39	11	2	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.25,
48	1501089	Đặng Thị Hồng Điệp	A7K70		1.33	25	2	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.25, 28> STC nợ >24
49	1501160	Phạm Thị Thu Hiền	A5K70		1.39	14	2	0	DTTS: Tày	Vớt: TBCHT ≥1.25,
50	1501171	Hoàng Minh Hiếu	A5K70	DB	1.26	17	2	0	DTTS: Tày	Vớt: TBCHT ≥1.25,
51	1501301	Nguyễn Hữu Lực	A7K70	VT	1.30	27	2	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.25, 28> STC nợ >24
52	1501416	Nguyễn Doãn Quyền	A2K70		1.39	13	2	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.25,
53	1501447	Bùi Long Thành	A4K70		1.27	10	2	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.25,
54	1501474	Phan Đăng Hải Thu	A3K70		1.25	25	2	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.25, 28> STC nợ >24
55	1501525	Phạm Anh Tú	A6K70		1.37	22	2	0	DTTS: Nùng	Vớt: TBCHT ≥1.25,
56	1502004	Lại Thị Cúc	C1K50		1.34	7	2	0	Con TB 71%	Vớt: TBCHT ≥1.25,
57	1503058	Hoàng Tri Hùng	D1K6		1.79	4	2	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
58	1503075	Hoàng Thị Linh	D1K6		1.75	10	2	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
59	1503079	Trần Thị Diệu Linh	D1K6		1.73	5	2	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
60	1503080	Trần Thị Linh	D1K6		1.72	2	2	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
61	1503082	Vũ Thảo Linh	D1K6		1.49	15	2	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
62	1503086	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	D1K6		1.41	22	2	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
63	1503091	Bùi Thị Nga	D1K6		1.50	5	2	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
64	1503123	Tạ Thị Thiết	D1K6		1.54	12	2	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
65	1506012	Cao Minh	B1K10		1.64	5	2	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
66	1506013	Lê Thị Phương	B1K10		1.53	23	2	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
67	1506015	Đỗ Thị Sang	B1K10		1.67	8	2	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
68	1506016	Ninh Thị Thanh Thảo	B1K10		1.41	18	2	0	-	Vớt: TBCHT <1.80, SV năm cuối,
69	1603009	Nguyễn Thị Lan Anh	D1K7		1.13	10	1	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.10,
70	1603016	Lê Kim Chung	D2K7		1.11	12	1	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.10,
71	1603020	Bùi Tiến Đạt	D2K7		1.00	16	1	0	DTTS: Mường	Vớt: SV hệ CĐ
72	1603021	Đình Thị Dinh	D1K7		0.96	18	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
73	1603024	Nguyễn Văn Đức	D2K7		0.35	31	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
74	1603025	Đình Thị Thùy Dung	D1K7		0.91	20	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
75	1603034	Phạm Thị Minh Duyên	D2K7		1.02	20	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
76	1603037	Đình Thị Giang	D2K7		1.08	17	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
77	1603057	Nghiêm Thị Hằng	D1K7		1.14	12	1	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.10,
78	1603073	Trương Thị Hoa	D1K7		1.10	19	1	0	-	Vớt: TBCHT ≥1.10,
79	1603076	Hoàng Thị Thu Hoài	D1K7		1.08	15	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	TBC HT	Số TC nợ	Năm thứ	Số hk NH	ĐTƯT	Ghi chú
80	1603087	Hoàng Mạnh Hùng	D2K7		0.73	24	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
81	1603104	Nguyễn Thị Khánh Huyền	D1K7		0.80	21	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
82	1603120	Phạm Thị Hương Liên	D2K7		1.06	16	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
83	1603145	Nguyễn Thị Tuyết Mai	D2K7		0.49	28	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
84	1603147	Đỗ Nhật Minh	D1K7		0.87	15	1	0	DTTS: Nùng	Vớt: SV hệ CĐ
85	1603151	Hứa Lệ My	D2K7		0.64	25	1	0	DTTS: Nùng	Vớt: SV hệ CĐ
86	1603156	Trần Thị Nga	D1K7		0.69	26	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
87	1603184	Mai Thị Quỳnh	D2K7		1.19	8	1	0	-	Vớt: TBCHT ≥ 1.10 ,
88	1603186	Vi Thị Thuý Quỳnh	D2K7	CT	0.77	22	1	0	DTTS: Thái	Vớt: SV hệ CĐ
89	1603187	Nguyễn Đình Sơn	D1K7		0.52	26	1	0	Con TB 61%	Vớt: SV hệ CĐ
90	1603190	Bùi Như Thắng	D2K7		0.99	16	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
91	1603193	Trần Xuân Thanh	D1K7		1.15	18	1	0	-	Vớt: TBCHT ≥ 1.10 ,
92	1603194	Nguyễn Thị Phương Thảo	D2K7		1.19	14	1	0	-	Vớt: TBCHT ≥ 1.10 ,
93	1603207	Nguyễn Thị Mai Thu	D2K7		1.02	12	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
94	1603208	Nguyễn Thị Thu	D2K7		0.50	27	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
95	1603223	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	D1K7		0.55	30	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
96	1603231	Bùi Anh Tuấn	D1K7		0.35	33	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
97	1603232	Bùi Đức Tuấn	D1K7		0.91	19	1	0	-	Vớt: SV hệ CĐ
98	1603241	Trần Thị Tú Uyên	D2K7		1.12	16	1	0	-	Vớt: TBCHT ≥ 1.10 ,
99	1603245	Nguyễn Thị Xoan	D1K7		1.12	13	1	0	-	Vớt: TBCHT ≥ 1.10 ,

Danh sách gồm 99 sinh viên.